

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/DS-ST

Ngày 25-8-2020

V/v : "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Nghĩa;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2020, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1089/2020/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:1302/2020/QĐST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Xuân H, sinh năm 1981

Trú tại: 01 Nguyễn Thị M, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Kim T, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: 02 Mai Xuân T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Phú T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 03, khu vực 04, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1977.

Trú tại: 05 Nguyễn Thị M, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp: Chị Trần Xuân H, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29.4.2020); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Xuân H trình bày: Giữa chị và chị Hoàng Thị Kim T quen biết nhau là thông qua anh H cán bộ làm việc tại Ngân hàng, anh H giới thiệu chị T đến nhà chị vay tiền. Sáng ngày 04.9.2019 chị T đến nhà chị hỏi vay 200.000.000đ, chiều cùng ngày chị T vay tiếp 250.000.000đ; Tổng cộng là 450.000.000đ. Khi vay chị T viết giấy nhận nợ, hẹn thời gian trả nợ là 15 ngày, mục đích vay để chị T về đầu tư mua bán quần áo và chi phí kinh doanh xe cho chồng chị T. Trong giấy vay tiền không có ghi lãi suất thỏa thuận bao nhiêu, nhưng các bên thỏa thuận miệng lãi suất 6%/tháng. Khi vay chị T không có thể chấp hay cầm cố tài sản gì cho chị. Đến hạn thanh toán chị T không trả tiền gốc cho chị, chỉ trả tiền lãi và hẹn 15 ngày tiếp theo sẽ trả đủ gốc và lãi cho chị, nhưng sau đó chị T chỉ trả lãi, hẹn vài ngày nữa sẽ trả gốc. Nhưng từ đó đến nay chị T không chịu trả lãi và gốc cho chị như lời chị T đã hứa. Mặc dù chị đã đòi nợ rất nhiều lần. Chị T vay tiền của chị dùng vào mục đích chung của gia đình và anh Lê Phú T (chồng chị T) cũng biết việc chị T vay tiền của chị và nhiều lần cùng chị T hẹn nợ chị.

Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh T trả cho vợ chồng chị nợ gốc 450.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 5/10/2019 đến ngày xét xử hôm nay (Ngày 25.8.2020) với mức lãi suất 20%/năm.

- Vắng mặt tại Tòa hôm nay, nhưng theo bản tự khai ngày 22.6.2020 bị đơn chị Hoàng Thị Kim T trình bày: Chị công nhận vào ngày 04.9.2019 chị có vay của chị Trần Xuân H 450.000.000đ. Mục đích vay để chị đầu tư mua bán quần áo và chi phí kinh doanh xe cho chồng chị, thời hạn vay 15 ngày, khi vay các bên có thỏa thuận miệng là lãi suất 6%/tháng. Chị là người viết và ký giấy nhận nợ, khi vay chị không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho chị H. Từ khi vay cho đến nay chị đã trả lãi đến ngày 13/11/2019. Sau đó chị không trả lãi nữa và tiền gốc cũng không có khả năng trả, vì kinh doanh bị thua lỗ. Nay chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả nợ gốc 450.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 05/10/2019 đến nay. Chị công nhận hiện còn nợ chị H số tiền 450.000.000đ, nhưng do kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn, nên xin trả dần số nợ trên thành nhiều lần, cụ thể: Tháng 12/2020 trả 100.000.000đồng, tháng 3/2021 trả 100.000.000đồng, tháng 7/2021 trả 100.000.000đồng, tháng 12/2021 trả 150.000.000đồng. Chị đồng ý theo yêu cầu tính lãi của chị H 20%/năm, nhưng hiện tại chị khó khăn nên khoản tiền lãi từ ngày 13/11/2019 đến ngày 22/6/2020 chị xin không trả. Chị sẽ trả lãi cho chị H tính từ tháng 7/2020.

Chồng chị tên là Lê Phú T, sinh năm 1979, hiện trú tại: Tổ 03, khu vực 04, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, anh T làm nghề lái xe tải đường dài, việc chị vay tiền của chị H có thông báo cho anh T biết và chị dùng một phần số tiền này để chi phí cho việc kinh doanh xe của anh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc V, ủy quyền cho chị H trình bày: Anh V cũng thống nhất yêu cầu chị H, anh không có yêu cầu gì khác.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phú T: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án. Anh T không đến Tòa và cũng không nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng chị Hoàng Thị Kim T, anh Lê Phú T cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Trần Xuân H, anh Nguyễn Quốc V số tiền nợ gốc 450.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 05/10/2019 đến ngày xét xử theo lãi suất 20%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của tòa án và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là chị Hoàng Thị Kim T đang cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định; Vụ án không có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã triệu tập bị đơn chị Hoàng Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phú T hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Xuân H, yêu cầu vợ chồng chị Hoàng Thị Kim T, anh Lê Phú T trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc 450.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 04.9.2019 do nguyên đơn chị H xuất trình và phía bị đơn chị T cũng công nhận chữ ký trong giấy vay tiền trên và thừa nhận ngày 04.9.2019 chị có vay của chị H 450.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày. Khi vay các bên thỏa thuận miêng lãi suất là 6%/tháng, đến nay chưa thanh toán nợ gốc. Nội dung giấy vay tiền trên là phù hợp pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Số tiền vay này, chị T dùng vào mục đích đầu tư làm ăn, kinh doanh phục vụ cuộc sống chung của gia đình, nên căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 463,466,470 Bộ luật dân sự 2015 buộc vợ chồng chị T, anh T cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị H, anh V số tiền 450.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật.

-Xét yêu cầu của chị T xin trả dần số nợ trên cụ thể như sau: Tháng 12/2020 trả 100.000.000đ, tháng 3/2021 trả 100.000.000đ, tháng 7/2021 trả 100.000.000đ,

tháng 12/2021 trả 150.000.000đ tuy nhiên tại Tòa hôm nay chị H không đồng ý phương thức trả nợ trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của chị H, yêu cầu vợ chồng chị T, anh T phải trả lãi từ ngày 05/10/2019 cho đến nay (Ngày 25.8.2020) theo lãi suất 20%/năm. Chị T cũng thống nhất mức lãi suất 20%/năm, nhưng chị xin không trả khoản lãi từ ngày 13/11/2019 đến ngày 22/6/2020, đồng ý trả lãi từ tháng 7/2020 đến nay, chị H không đồng ý và chị T cũng không có xuất trình tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là đã trả lãi cho chị H đến ngày 13/11/2019. Vì vậy yêu cầu tính lãi của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận: Cụ thể tiền lãi từ ngày 5/10/2019 đến ngày xét xử 25/8/2020 là 08 tháng 20 ngày, được tính như sau:

+Tiền lãi tính từ ngày 5/10/2019 đến ngày 5/8/2020 là 08 tháng:
(450.000.000đ x 20%/năm x 8 tháng): 12 tháng = 60.000.000đ

+Tiền lãi tính từ ngày 06/8/2020 đến ngày xét xử, ngày 25/8/2020 là 20 ngày:
(4
50.000.000đ x 1,66%/tháng x 20 ngày): 30 ngày = 5.000.000đ.

Tổng cộng tiền lãi 60.000.000đ + 5.000.000đ = 65.000.000đ

[4] Về án phí:

-Vợ chồng chị T, anh T phải chịu [20.000.000đ +(115.000.000đ x 4%
=4.600.000đ)] =24.600.000đ sung Ngân sách nhà nước; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho chị H.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26,35,39,227,228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463,466,468,470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Xuân H.

1.Buộc vợ chồng chị Hoàng Thị Kim T, anh Lê Phú T cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Trần Xuân H, anh Nguyễn Quốc V số tiền 515.000.000đ (Năm trăm mười lăm triệu đồng); Trong đó nợ gốc 450.000.000đồng, tiền lãi 65.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng chị Hoàng Thị Kim T, anh Lê Phú T cùng phải chịu 24.640.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả lại cho chị Trần Xuân H 11.250.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003480, ngày 09-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Chị Trần Xuân H có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/8/2020). Chị Hoàng Thị Kim T, anh Lê Phú T và anh Nguyễn Quốc V vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quý Phúc